

Số: 99 /BC-VNG

Phú Ninh, ngày 22 tháng 5 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết nhiệm vụ Giáo dục Trung học Năm học: 2022-2023**

Căn cứ Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 4020/BGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2022 của Bộ GDĐT và Hướng dẫn số 1814/SGDĐT-GDTrH ngày 30/8/2022 của Sở GDĐT Quảng Nam về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 1002/SGDDĐT-GDTrH ngày 09/5/2023 của Sở GDĐT Quảng Nam hướng dẫn về việc tổng kết nhiệm vụ Giáo dục Trung học năm học 2022-2023;

Căn cứ vào thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ GDTrH của nhà trường trong năm học 2022-2023,

Trường THPT Võ Nguyễn Giáp báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023 như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

##### **1. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh:**

##### **1.1. Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên người lao động:**

Tổng số CBGVNV: 52, trong đó có 3 CBQL, 42 GV và 7 nhân viên.

**1.2. Về học sinh:** Trường có 19 lớp với 671 học sinh; trong đó có 7 lớp 10 với 245 học sinh; 6 lớp 11 với 213 học sinh và 6 lớp 12 với 213 học sinh.

##### **2. Thuận lợi, khó khăn:**

##### **2.1. Thuận lợi:**

- Có sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sâu sát, thường xuyên, kịp thời của các lãnh đạo huyện ủy và UBND huyện Phú Ninh của Đảng ủy và UBND thị trấn Phú Thịnh và đặc biệt là sự lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp của Sở GDĐT Quảng Nam.

- Số lượng và cơ cấu giáo viên đầy đủ đảm bảo cho công tác phân công chuyên môn. Cán bộ, giáo viên, nhân viên có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng; có tinh thần đoàn kết và có ý thức trách nhiệm cao; đội ngũ giáo viên của trường trẻ, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, giáo dục; sáng tạo, đổi mới trong mọi hoạt động dạy và học.



- Học sinh lễ phép, chăm ngoan, ham học;PHHS quan tâm sâu sát đến con em và trường lớp.

## 2.2. Khó khăn:

- Trường mới thành lập, cơ sở vật chất của còn thiếu, trang thiết bị phục vụ giảng dạy chưa có (chưa có nhà đa năng, chưa có sân chơi, bãi tập hoàn chỉnh, hệ thống cây xanh bóng mát còn ít, các phòng làm việc còn tạm bợ, chưa có các phòng bộ môn, phòng cho các tổ chuyên môn, nhà vệ sinh GV và HS chưa đảm bảo, tâm lý giáo viên, học sinh chưa ổn định khi tách trường, tách lớp,...) ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng dạy và học của nhà trường;

- Nhân viên của tổ VP chưa ổn định, chưa có biên chế chính thức, còn thiếu ở 1 số vị trí việc làm. Điều kiện công tác, điều kiện gia đình một số CBGVNV còn nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến công tác;

- Điều kiện kinh tế xã hội khó khăn dẫn đến phụ huynh học sinh chưa quan tâm, đầu tư đúng mức đến việc học của con em; nhiều học sinh phải vừa học vừa làm để phụ giúp gia đình;

- Tinh thần, thái độ học tập của một số ít học sinh chưa tốt. Một số học sinh lười học, nhận thức 1 số ít phụ huynh còn hạn chế, ảnh hưởng đến công tác giáo dục đạo đức cho học sinh của nhà trường.

## II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học

### 1. Kết quả thực hiện chương trình giáo dục phổ thông:

1.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

1.1.1. Kết quả thực hiện dạy học các môn học, tổ chức các hoạt động giáo dục;

a. Đối với Chương trình 2018 kết quả như sau: Đối với Khối 10

### THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

Năm học 2022 - 2023

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>243</b>	<b>139</b>	<b>57.20</b>	<b>219</b>	<b>90.12</b>	<b>23</b>	<b>9.47</b>	<b>1</b>	<b>0.41</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>
<b>Khối 10</b>		<b>243</b>	<b>139</b>	<b>57.20</b>	<b>219</b>	<b>90.12</b>	<b>23</b>	<b>9.47</b>	<b>1</b>	<b>0.41</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>
1	10/1	33	21	63.64	31	93.94	2	6.06	0	0.00	0	0.00
2	10/2	34	20	58.82	33	97.06	1	2.94	0	0.00	0	0.00
3	10/3	34	13	38.24	31	91.18	3	8.82	0	0.00	0	0.00
4	10/4	35	19	54.29	33	94.29	2	5.71	0	0.00	0	0.00
5	10/5	37	23	62.16	30	81.08	6	16.22	1	2.70	0	0.00
6	10/6	34	19	55.88	30	88.24	4	11.76	0	0.00	0	0.00
7	10/7	36	24	66.67	31	86.11	5	13.89	0	0.00	0	0.00



## THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HỌC LỰC

Năm học 2022 - 2023

TT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>243</b>	<b>139</b>	<b>57.20</b>	<b>61</b>	<b>25.10</b>	<b>88</b>	<b>36.21</b>	<b>91</b>	<b>37.45</b>	<b>3</b>	<b>1.23</b>
<b>Khối 10</b>		<b>243</b>	<b>139</b>	<b>57.20</b>	<b>61</b>	<b>25.10</b>	<b>88</b>	<b>36.21</b>	<b>91</b>	<b>37.45</b>	<b>3</b>	<b>1.23</b>
1	10/1	33	21	63.64	17	51.52	14	42.42	2	6.06	0	0.00
2	10/2	34	20	58.82	15	44.12	13	38.24	6	17.65	0	0.00
3	10/3	34	13	38.24	8	23.53	9	26.47	16	47.06	1	2.94
4	10/4	35	19	54.29	12	34.29	13	37.14	10	28.57	0	0.00
5	10/5	37	23	62.16	6	16.22	19	51.35	12	32.43	0	0.00
6	10/6	34	19	55.88	2	5.88	9	26.47	23	67.65	0	0.00
7	10/7	36	24	66.67	1	2.78	11	30.56	22	61.11	2	5.56

b. Đối với Chương trình 2006 kết quả như sau: Đối với Khối 11 và 12

TT	Lớp	Sĩ số	Học lực										Hành kiểm							
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>425</b>	<b>137</b>	<b>32.24</b>	<b>218</b>	<b>51.29</b>	<b>67</b>	<b>15.76</b>	<b>3</b>	<b>0.71</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>	<b>393</b>	<b>92.47</b>	<b>32</b>	<b>7.53</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>
<b>Khối 11</b>		<b>212</b>	<b>59</b>	<b>27.83</b>	<b>90</b>	<b>42.45</b>	<b>60</b>	<b>28.30</b>	<b>3</b>	<b>1.42</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>	<b>192</b>	<b>90.57</b>	<b>20</b>	<b>9.43</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>
1	11/1	37	32	86.49	4	10.81	1	2.70	0	0.00	0	0.00	37	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00
2	11/2	35	3	8.57	17	48.57	15	42.86	0	0.00	0	0.00	32	91.43	3	8.57	0	0.00	0	0.00
3	11/3	35	6	17.14	18	51.43	11	31.43	0	0.00	0	0.00	33	94.29	2	5.71	0	0.00	0	0.00
4	11/4	34	4	11.76	18	52.94	12	35.29	0	0.00	0	0.00	31	91.18	3	8.82	0	0.00	0	0.00
5	11/5	36	5	13.89	15	41.67	14	38.89	2	5.56	0	0.00	30	83.33	6	16.67	0	0.00	0	0.00
6	11/6	35	9	25.71	18	51.43	7	20.00	1	2.86	0	0.00	29	82.86	6	17.14	0	0.00	0	0.00
<b>Khối 12</b>		<b>213</b>	<b>78</b>	<b>36.62</b>	<b>128</b>	<b>60.09</b>	<b>7</b>	<b>3.29</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>	<b>201</b>	<b>94.37</b>	<b>12</b>	<b>5.63</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>
7	12/1	36	23	63.89	13	36.11	0	0.00	0	0.00	0	0.00	35	97.22	1	2.78	0	0.00	0	0.00
8	12/2	36	17	47.22	19	52.78	0	0.00	0	0.00	0	0.00	35	97.22	1	2.78	0	0.00	0	0.00
9	12/3	36	22	61.11	13	36.11	1	2.78	0	0.00	0	0.00	34	94.44	2	5.56	0	0.00	0	0.00
10	12/4	35	1	2.86	30	85.71	4	11.43	0	0.00	0	0.00	30	85.71	5	14.29	0	0.00	0	0.00
11	12/5	36	6	16.67	30	83.33	0	0.00	0	0.00	0	0.00	34	94.44	2	5.56	0	0.00	0	0.00
12	12/6	34	9	26.47	23	67.65	2	5.88	0	0.00	0	0.00	33	97.06	1	2.94	0	0.00	0	0.00

**1.1.2. Kết quả thực hiện chương trình các môn học (Chương trình 2018 đối với lớp 6,7, 10; Chương trình 2006 đối với các lớp còn lại).**

**1.1.3. Kết quả thực hiện giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục kỹ năng sống, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh, xây dựng văn hoá ứng xử, công tác xã hội trong trường học:**

- Lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể nhà trường tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng



văn hóa ứng xử trong trường học; đẩy mạnh công tác tư vấn tâm lý; công tác xã hội trong trường học.

- Tiếp tục thực hiện việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp;

- Nhà trường đã lồng ghép trong công tác giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; Giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục văn hóa giao thông, phòng chống đuối nước cho học sinh. Tuy nhiên vẫn còn học sinh cá biệt, ý thức chấp hành nề nếp nội quy của nhà trường chưa tốt. ...

#### **1.1.4. Kết quả thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (đối với các trường PTDTNT cấp THPT; trường PTDTNT, PTDTBT cấp THCS):**

### **2. Kết quả vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.**

*2.1. Xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo về phương pháp, kỹ thuật dạy học; sử dụng thiết bị, học liệu và hình thức tổ chức dạy học hợp lý nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.*

#### *2.1.1. Các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy:*

Mức 1: Kiến thức/kỹ năng mới được trình bày rõ ràng, tường minh bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức/kỹ năng mới. Có câu hỏi/bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức/kỹ năng mới học nhưng chưa nêu rõ lý do, mục đích của mỗi câu hỏi/bài tập. Có yêu cầu học sinh liên hệ thực tế/bổ sung thông tin liên quan nhưng chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

Mức 2: Kiến thức/kỹ năng mới được thể hiện trong kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng; có câu hỏi/lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và giải quyết được đầy đủ tình huống/câu hỏi/nhiệm vụ mở đầu. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kỹ năng cụ thể. Nêu rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng mà học sinh phải thực hiện.

Mức 3: Kiến thức/kỹ năng mới được thể hiện bằng kênh chữ/kênh hình/kênh tiếng gắn với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/câu hỏi chính của bài học để học sinh tiếp thu và giải quyết được vấn đề/câu hỏi chính của bài học. Hệ thống câu hỏi/bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu hỏi/bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/kỹ năng cụ thể. Hướng dẫn để học sinh tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng.

*2.1.2. Mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy*



Mức 1: Nội dung của mỗi hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được mô tả rõ ràng nhưng chưa nêu rõ phương thức hoạt động của học sinh/nhóm học sinh nhằm hoàn thành sản phẩm học tập.

Mức 2: Nội dung và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức tổ chức hoạt động cho học sinh được trình bày cụ thể, thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập cần hoàn thành.

Mức 3: Nội dung và cách thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; cách thức tổ chức hoạt động học cho học sinh thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng học sinh.

### *2.1.3. Thiết bị dạy học và học liệu được lựa chọn để sử dụng trong Kế hoạch bài dạy*

Mức 1: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà học sinh hoạt động với thiết bị dạy học và học liệu đó.

Mức 2: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng.

Mức 3: Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hoạt động (đọc/viết/nghe/nhìn/thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng.

### *2.1.4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy*

Mức 1: Phương án kiểm tra, đánh giá sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả nhưng chưa rõ phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của học sinh.

Mức 2: Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trong các hoạt động học.

Mức 3: Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học./.

### *2.2. Kết quả tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao; sử dụng di sản văn hoá để phục vụ dạy học (đối với các môn học có liên quan) nhằm tăng cường hứng thú học tập cho học sinh.*

- Phát huy tính tích cực độc lập trong học tập của học sinh
- Bồi dưỡng năng lực diễn đạt ngôn ngữ nói.





- Tạo ra không khí học tập sôi nổi trong giờ học.
- Giúp giáo viên thu được những tín hiệu ngược một cách nhanh nhất để kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học cho phù hợp với mục đích, yêu cầu đã đề ra

### **2.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số trong dạy học và quản lí.**

- Trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá;

Việc đưa vào sử dụng các phần mềm hỗ trợ như vnedu.vn, phần mềm kế toán visa, phần mềm chia thời khóa biểu TKB, phần mềm tạo ngân hàng đề trắc nghiệm Master test, phần mềm chấm trắc nghiệm TN, phần mềm dạy học trực tuyến Zoom, Google drive... đã hỗ trợ đắc lực, linh hoạt và hiệu quả, phục vụ tốt cho công tác dạy học, quản lý điều hành của nhà trường.

Bộ phận chuyên môn nhà trường đã thực hiện tốt việc cập nhật dữ liệu trên phần mềm quản lý trường học để kết nối với IOC Edu và cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo; 100 CBGVNV và học sinh được cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu của ngành

Trường đã đẩy nhanh tiến độ số hóa các tài liệu dạy học, hồ sơ quản lý và dạy học của nhà trường. Kế hoạch dạy học kế hoạch bài học (giáo án) được đưa lên hệ thống hàng tuần trước khi lên lớp; trường đã sử dụng sổ điểm và học bạ điện tử.

### **3. Kết quả thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá.**

#### **3.1. Kết quả thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định tại các Thông tư hướng dẫn.**

- Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006:

Nhà trường thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Khi xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, lưu ý tăng cường bổ trợ các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông.

Đối với các trường thực hiện mô hình trường học mới, tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18/8/2016 về việc triển khai mô hình trường học mới từ năm học 2016-2017; Công văn số 3459/BGDĐT-GDTrH ngày 08/8/2017 về việc rà soát, đảm bảo các điều kiện triển khai mô hình trường học mới; Công văn số 1461/BGDĐT-GDTrH ngày 08/4/2019 về việc xét tốt nghiệp học sinh mô hình trường học mới.

- Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018:

Nhà trường thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 và quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành tại Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT và Công văn 1007/SGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện



chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023. Đối với môn Lịch sử, thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; sử dụng sách giáo khoa Lịch sử lớp 10 đã được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông. Đối với các môn chuyên cấp trung học phổ thông, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 4171/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2022 về việc hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên cấp trung học phổ thông và hướng dẫn của Sở GDĐT

3.2. Kết quả thực hiện các hình thức, phương pháp đối với kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì ở các môn học, các hoạt động giáo dục.

3.3. Chất lượng giáo dục:

- Hạnh kiểm: (so với cùng kì năm học 2021-2022)

#### THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

Năm học 2022 - 2023

STT	Năm học	SĨ SỐ	TỐT		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 11	2022-2023	212	191	90.09%	21	9.91%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 12	2022-2023	213	203	95.31%	10	4.69%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 11	2021-2022	215	199	92.56%	15	6.98%	1	0.47%	0	0.00%
Khối 12	2021-2022	220	209	95.00%	10	4.55%	1	0.45%	0	0.00%
Khối 11	Tăng/giảm	-3	-8	-2.46%	6	2.93%	-1	-0.47%	0	0.00%
Khối 12	Tăng/giảm	-7	-6	0.31%	0	0.15%	-1	-0.45%	0	0.00%

- Học lực: (so với cùng kì năm học 2021-2022)

#### THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HỌC LỰC

Năm học 2022 - 2023

STT	Năm học	SĨ SỐ	GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU		KÉM	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Khối 11	2022-2023	212	59	27.83%	90	42.45%	60	28.30%	3	1.42%	0	0.00%
Khối 12	2022-2023	213	78	36.62%	128	60.09%	7	3.29%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 11	2021-2022	215	56	26.05%	88	40.93%	71	33.02%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 12	2021-2022	220	83	37.73%	114	51.82%	23	10.45%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 11	Tăng/giảm	-3	3	1.78%	2	1.52%	-11	-4.72%	3	1.42%	0	0.00%
Khối 12	Tăng/giảm	-7	-5	-1.11%	14	8.28%	-16	-7.17%	0	0.00%	0	0.00%

Đối với chương trình GDPT 2018



## KẾT QUẢ XẾP LOẠI 2 MẶT CỦA KHỐI 10

Năm học 2022-2023

Số Sĩ	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
243	61	25.10%	88	36.21%	91	37.45%	3	1.23%	216	88.89%	26	10.70%	1	0.41%	0	0.00%

### 4. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng:

#### 4.1. Kết quả thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM:

Ngoài thời lượng 1 tiết/tháng/lớp, nhà trường đã tổ chức phối hợp với nhiều trường ĐH, CĐ tổ chức hướng nghiệp cho học sinh. Trong HKII đã phối hợp với trường ĐH FPT Đà Nẵng tổ chức 1 buổi tư vấn chọn nghề cho HS khối 12 và tham quan trải nghiệm thực tế cho gần 100 HS khối 12 tại trường ĐH FPT Đà Nẵng.

- Trường chưa tổ chức việc thực hiện giáo dục, trưng bày, giới thiệu sản phẩm giáo dục STEM.

#### 4.2. Kết quả thực hiện công tác phân luồng học sinh:

(không có)

### 5. Kết quả tham gia các kì thi, cuộc thi:

TT	Tên Kỳ thi, Hội thi, cuộc thi	Cấp	Kết quả
1	Học sinh giỏi	Tỉnh	8 giải (1 Nhì, 2 Ba, 5 KK)
2	Tin học trẻ không chuyên	Huyện	3 giải (1 Nhất, 1 Ba, 1 KK)
3	Giai điệu Tuổi hồng	Cụm	1 giải Ba
4	Câu chuyện đạo đức pháp luật	Tỉnh	1 giải Ba
5	Cuộc thi Giai điệu quê hương	Huyện	1 giải KK

### 6. Việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa lớp 11:

B1. Sau khi có hướng dẫn về lựa chọn SGK, trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch theo hướng dẫn của Sở

B2. Tổ chuyên môn tổ chức cho giáo viên nghiên cứu, thảo luận và đánh giá sách giáo khoa ở các bộ sách: Bộ Cánh diều; Bộ Chân trời sáng tạo,... theo tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa quy định tại Quyết định số 3747/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam; bỏ phiếu kín để lựa chọn ít nhất 01 (một) sách giáo khoa; báo cáo người cho Hiệu trưởng danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn. Danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn có chữ ký của TTCM và các giáo viên tham gia lựa chọn.



B3. Trường tổ chức cuộc họp với thành phần dự họp gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng (hoặc nhóm trưởng chuyên môn) và đại diện Ban đại diện cha mẹ học sinh để thảo luận, đánh giá sách giáo khoa trên cơ sở danh mục sách do tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn; lựa chọn và lập 01 (một) sách giáo khoa (mẫu 1 đính kèm) gửi về Sở GDĐT tổng hợp. Danh mục sách giáo khoa đề xuất có chữ ký của người Hiệu trưởng, các tổ trưởng tổ chuyên môn và TB ĐDCMHS.

### III. Phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cao chất lượng phổ cập THCS:

#### Phát triển mạng lưới trường, lớp, học sinh:

Báo cáo tình hình biến động, phát triển số lớp, số học sinh từng khối lớp, toàn trường (tăng, giảm so với cuối năm học 2021-2022):

Năm học	TS lớp	TS học sinh	Chia theo lớp					
			Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
			Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh
2021-2022	18	660	6	224	6	216	6	220
2022-2023	19	671	7	245	6	213	6	213
Tăng/giảm	+1	+11	+1	21	0	-3	0	-7

### IV. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

#### 1. Phát triển đội ngũ:

Năm học	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh
2021-2022	5	5	4	4	3	4	4	2	4
2022-2023	6	6	5	4	3	4	4	2	4
Tăng/giảm	+1	+1	+1	0	0	0	0	0	0

#### 2. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, học liệu:

Trong năm học 2022-2023, trên cơ sở nguồn kinh phí cấp từ ngân sách, trường đã lấy đề xuất từ các tổ chuyên môn và tổ chức mua sắm trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho việc dạy học lớp 10 theo chương trình phổ thông mới với số tiền khoảng 100 triệu đồng.

- Trường mới thành lập, số lượng phòng học ít, chưa được đầu tư các trang thiết bị dạy học. Tuy nhiên nhà trường cũng đã cố gắng sử dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có và vận động xã hội hóa để đầu tư, mua sắm trang thiết bị.

- Với 12 phòng học hiện có, trường đã sử dụng 9 phòng cho mỗi ca học, còn 3 phòng dự phòng dùng cho việc học các môn trái ca, học TDQP, BD HSG, phụ đạo HS yếu.

- Ngay từ đầu năm học nhà trường đã vận động từ các nguồn xã hội hóa trang bị 12 tivi smart tivi 55 in trang bị cho 12 phòng học để GV tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.



- Trường đã củng cố nâng cấp đường truyền internet và hệ thống wifi, hệ thống camera đảm bảo để GV sử dụng giảng dạy và đảm bảo cho các hoạt động văn phòng.

Trường đã củng cố nâng cấp hệ thống camera giám sát ở các dạy phòng học và phòng làm việc, đảm bảo tối thiểu công tác an toàn trường học.

#### **+ Kết quả/hạn chế:**

Tuy nhiên vì cơ sở vật chất còn quá nghèo nàn, việc huy động nguồn xã hội hóa để mua sắm trang thiết bị không nhiều nên ảnh hưởng không ít đến chất lượng dạy và học của nhà trường.

### **3. Đổi mới công tác quản lý của lãnh đạo, các tổ/nhóm chuyên môn:**

**3.1. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học của tổ chuyên môn, kế hoạch dạy học (giáo án) nhằm thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh:**

- Chỉ đạo các Tổ chuyên môn xây dựng các kế hoạch dạy học theo đúng các chuẩn kiến thức kỹ năng theo tinh thần Công văn 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021 của Bộ GDĐT và đổi mới phương dạy học và kiểm tra đánh giá; đẩy mạnh thực hiện Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 hướng dẫn thực hiện CT GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018, trong đó tập trung vào các nội dung:

- Xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn 3284/BGDĐT-GDTrH ngày 01/7/2020 của Bộ GDĐT; tăng cường áp dụng các hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, rèn luyện kỹ năng sống, nâng cao hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, giáo dục văn hóa giao thông, ... nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề trong thực tế đời sống. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH và Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT, gắn kết với việc thực hiện CT GDPT 2018.

**3.2. Kết quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá; việc cập nhật dữ liệu trên phần mềm quản lý trường học để kết nối với IOC Edu và cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo; đẩy nhanh tiến độ số hóa các tài liệu dạy học, hồ sơ quản lý và dạy học của nhà trường.**

- Trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá;

Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số năm 2023 của nhà trường có nhiều chuyên biên tích cực. Đến nay, trường đã kết nối mạng LAN đến từng phòng học và phòng làm việc; đã phủ sóng wifi cho 100 trong khu vực trường; 100 CBGVNV và học sinh đã có máy tính và điện thoại di động để sử dụng. 12/12 phòng học được trang bị smart tivi 55 in nên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học có nhiều thuận lợi.



Hơn nữa việc đưa vào sử dụng các phần mềm hỗ trợ như vnedu.vn, phần mềm kế toán visa, phần mềm chia thời khóa biểu TKB, phần mềm tạo ngân hàng đề trắc nghiệm Master test, phần mềm chấm trắc nghiệm TN, phần mềm dạy học trực tuyến Zoom, Google drive... đã hỗ trợ đắc lực, linh hoạt và hiệu quả, phục vụ tốt cho công tác dạy học, quản lý điều hành của nhà trường.

Bộ phận chuyên môn nhà trường đã thực hiện tốt việc cập nhật dữ liệu trên phần mềm quản lý trường học để kết nối với IOC Edu và cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo; 100 CBGVNV và học sinh được cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu của ngành

Trường đã đẩy nhanh tiến độ số hóa các tài liệu dạy học, hồ sơ quản lý và dạy học của nhà trường. Kế hoạch dạy học kế hoạch bài học (giáo án) được đưa lên hệ thống hàng tuần trước khi lên lớp; trường đã sử dụng sổ điểm và học bạ điện tử.

### **3.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá:**

*Về việc thực hiện các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá trong kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kì; đánh giá học sinh theo đúng các Thông tư hướng dẫn của Bộ GDĐT:*

Nhà trường đã thực hiện đúng quy định các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo Thông tư 22 và 26/2020/TT-BGDĐT. Vận dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

\* *Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kì:* Mỗi môn học có 01 bài kiểm tra đánh giá giữa kì và 01 bài kiểm tra đánh giá cuối kì (trừ môn Thể dục là đánh giá bằng nhận xét): Đánh giá bằng điểm số. Thực hiện tốt các bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ.

\* *Đối với bài kiểm tra, đánh giá thường xuyên:*

+ Môn học có từ 32 tiết trở xuống/năm: 2 ĐĐGtx;

+ Môn học có từ trên 32 tiết đến 64 tiết/năm: 3 ĐĐGtx;

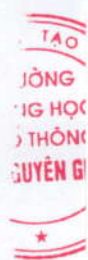
+ Môn học có từ trên 64 tiết/năm: 4 ĐĐGtx.

**3.4. Kết quả thực hiện việc nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp; việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục, tư vấn hướng nghiệp; việc thực hiện giáo dục, trưng bày, giới thiệu sản phẩm giáo dục STEM:**

Ngoài thời lượng 1 tiết/tháng/lớp, nhà trường đã tổ chức phối hợp với nhiều trường ĐH, CĐ tổ chức hướng nghiệp cho học sinh. Trong HKII đã phối hợp với trường ĐH FPT Đà Nẵng tổ chức 1 buổi tư vấn chọn nghề cho HS khối 12 và tham quan trải nghiệm thực tế cho gần 100 HS khối 12 tại trường ĐH FPT Đà Nẵng.

- Trường chưa tổ chức việc thực hiện giáo dục, trưng bày, giới thiệu sản phẩm giáo dục STEM.

**3.5. Kết quả đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục Nghề phổ thông; kết quả thực hiện việc phân luồng học sinh sau trung học phổ thông:**





Về công tác học nghề PT: Trường đã tổ chức dạy nghề Làm vườn và Điện dân dụng tại trường cho 6 lớp khối 11 với thời lượng 105 tiết quy định.

## V. Đánh giá chung:

### 1. Kết quả nổi bật:

Trong năm học 2022-2023 nhà trường đã đạt được những kết quả khá nổi bật:

1.1. Kỳ thi Học sinh giỏi 12: Đạt 8 giải (1 giải Nhì; 2 giải Ba; 5 giải Khuyến khích). Toàn đoàn xếp 25/39 đơn vị.

1.2. Kỳ thi Tin học trẻ không chuyên cấp huyện: Đạt 2 giải (1 giải Nhất; 1 giải Ba)

1.3. Thi câu chuyện đạo đức và pháp luật: Đạt giải Ba.

1.4. Thi giai điệu Tuổi hồng: Đạt giải Ba.

1.5. Tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cấp trên về thực hiện nhiệm vụ năm học.

1.6. Kết quả công tác giảng dạy có hiệu quả, vừa đảm bảo đổi mới hình thức, nội dung dạy học và quản lý vừa đảm bảo chất lượng dạy và học. Điều này thể hiện rõ qua kết quả thống kê kết quả xếp loại 2 mặt cuối năm toàn trường (Phụ lục 1 kèm theo) và vị thứ xếp loại thi HSG 12.

### 2. Những hạn chế tồn tại:

**2.1. Về công tác chuyên môn:** Chưa tổ chức được nhiều các hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác chủ nhiệm; về công tác bồi dưỡng và phụ đạo học sinh yếu kém, về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý. Chưa thành lập được các Câu lạc bộ học tập để phát huy tính năng động sáng tạo của GV và HS. Công tác thanh tra nội bộ còn ít.

**2.2. Về công tác GDNGLL:** Chưa tổ chức được nhiều các buổi sinh hoạt ngoại khoá theo chủ đề tháng trong các tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần. Công tác giao lưu kết nghĩa giữa các đơn vị, trường bạn trên địa bàn có phần hạn chế.

**2.3. Về công tác nề nếp, CSVC, vệ sinh môi trường:** BCH Đoàn trường hoạt động chưa mạnh. Nhà trường và Đoàn TN chưa tổ chức phát động được các hoạt động góp phần xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp, góp phần xây dựng “*Trường học hạnh phúc*”.

### 2.4. Về công tác chủ nhiệm:

- Một số GVCN vẫn chưa nhiệt tình trong công tác chủ nhiệm, chưa phát huy tốt 15 đầu giờ, chưa nắm bắt kịp thời thông tin học sinh, chưa có các biện pháp phối hợp giáo dục kịp thời và hiệu quả giữa GVCN với GVBM với PHHS. vì vậy vẫn có tình trạng HS ở một số lớp vi phạm nề nếp nội quy của nhà trường như gây gổ đánh nhau ngoài trường, đi học bằng xe máy phân khối lớn, đi trễ, nghỉ học không lý do, tác phong chưa nghiêm túc, hút thuốc trong giờ giải lao, đi ra ngoài trường trong giờ nghỉ giải lao, ....



**2.5. Về công tác khuyến học, khuyến tài:** Chưa phát huy được nhiều hoạt động của chi hội Khuyến học, chi hội Chữ thập đỏ trong công tác hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có nghèo vượt khó, học sinh giỏi; Chưa xây dựng được nguồn quỹ khuyến học, khuyến tài.

**2.6. Về cơ sở vật chất và công tác văn phòng:**

- Các hạng mục CSVC cần thiết của nhà trường chưa đáp ứng được cho công tác dạy và học cần phải sớm đầu tư chỉnh trang, cải tạo, xây dựng mới.
- Công việc của Tổ hành chính chưa ổn định do nhân sự mới chưa quen công việc.

**3. Nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế:**

**3.1. Nguyên nhân khách quan:**

- Trường mới thành lập, đội ngũ CBGVNV và học sinh các lớp chưa ổn định.
- Cơ sở vật chất dạy và học còn quá thiếu, chưa đảm bảo cho dạy và học.
- Sức học của học sinh còn yếu, PHHS còn ít quan tâm.

**3.2. Nguyên nhân chủ quan:**

- Công tác quản lý chưa thật sự chặt chẽ và khoa học.
- Đội ngũ GV còn thiếu cục bộ, chưa thực sự mạnh và đồng đều. Chưa đầu tư sâu về chuyên môn vì điều kiện kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn.
- Chưa có các biện pháp hữu hiệu để phát huy hết tiềm năng của HĐSP nhà trường và sự nỗ lực của học sinh.

**VI. Kiến nghị, đề xuất:**

- Sở GDĐT và UBND tỉnh Quảng Nam thành lập đoàn khảo sát hiện trạng về cơ sở vật chất của trường để từ đó sớm đầu tư kinh phí để xây mới thêm hệ thống phòng học, đầu tư trang bị phòng bộ môn; xây mới khu hiệu bộ, khu nhà vệ sinh GV và HS; xây dựng nhà đa chức năng, khu giáo dục thể chất.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các thiết bị, đồ dùng dạy học trong lớp học, trong các phòng chức năng, đảm bảo cho việc đổi mới phương pháp dạy và học theo chương trình dạy học mới 2018.

- Sở GDĐT Quảng Nam sớm có kế hoạch bổ sung thêm 1 biên chế còn thiếu của các bộ môn Ngữ văn và Ngoại ngữ./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, GDTrH.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đào Kim Tân**